**Tiếng Việt**

**-104+105-**

**Bài 49: ơm, ơp**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phát triển năng lực đặc thù - năng lực ngôn ngữ**

- Nhận biết các vần **ơm, ơp;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **ơm, ơp.**

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **ơm,** vần **ơp.**

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Ví dụ.*

- Viết đúng các vần **ơm, ơp,** các tiếng **cơm,** (tia) **chớp** (trên bảng con).

**2. Góp phần pháp triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế

- Hợp tác có hiệu quả với các bạn trong nhóm, trong tổ và trong lớp.

- Biết những câu chuyện vui về dạy học .

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Ti vi chiếu hình minh họa từ khóa và từ trong bài tập mở rộng vốn từ hoặc tranh ảnh, mẫu vật, vật thật

- Vở bài tập tiếng việt 1

- Bảng con, phấn

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**Tiết 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **A. Hoạt động mở đầu** (5’)  - GV gọi HS đọc bài *Chậm... như thỏ* (bài 48).  - GV mời HS nói một số câu nói ngược trong dân gian.  - GV gọi HS nhận xét  - GV nhận xét  **B. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **1. Giới thiệu bài** (2’)  - GV: Hôm nay, các em sẽ được học 2 vần mới, đó là vần **ơm,** vần **ơp**  **2. Chia sẻ và khám phá** (BT1: Làm quen)  **2.1.** Dạy vần **ơm** (5’)  - GV chỉ vần **ơm** (từng chữ **ơ, m)**  - GV yêu cầu HS phân tích vần **ơm**  - GV gọi HS đánh vần và đọc trơn.  - GV chỉ hình, hỏi:  ? Đây là gì?  - GV giới thiệu mô hình tiếng **cơm**  - GV chỉ lại mô hình vần **ơm,** mô hình tiếng **cơm.**  **2.2.** Dạy vần **ơp** (5’)  - GV chỉ vần **ơp** (từng chữ **ơ, p)**  - GV yêu cầu HS phân tích vần **ơp**  - GV gọi HS đánh vần và đọc trơn.  - GV chỉ hình, hỏi:  ? Đây là gì?  ? Trong từ *tia chớp* tiếng nào có âm **ơp**?  - GV giới thiệu mô hình tiếng **chớp**  - GV chỉ lại mô hình vần **ơp,** mô hình tiếng **chớp,** từ khoá.  ? Các em vừa được học vần mới, tiếng mới nào?  - GV chỉ mô hình từng vần, tiếng, cả lớp đánh vần, đọc trơn.  **3. Hoạt động luyện tập**  **3.1. Mở rộng vốn từ** (5’)(BT 2: Tìm tiếng có vần **ơm,** tiếng có vần **ơp)**  - GV xác định yêu cầu  - GV chỉ từng chữ dưới hình  - GV giải nghĩa: *bờm ngựa* (đám lông dài mọc trên cổ, trên gáy ngựa), *nơm* (đồ đan thưa bằng tre, hình cái chuông, dùng để chụp bắt cá).  - GV yêu cầu từng cặp HS tìm tiếng có vần **ơm,** vần **ơp** trong VBT.  - GV mời HS báo cáo kết quả.  - GV chỉ từng từ in đậm.  - GV yêu cầu HS nói thêm 3-4 tiếng ngoài bài có vần **ơm** (đơm, sớm, thơm,...); có vần **ơp** (chợp, khớp, rợp,...).  **3.2. Tập viết (BT4 – Bảng con)** (10’)  a. Đọc  - GV yêu cầu HS đọc đọc các chữ, tiếng vừa học được viết trên bảng lớp.  b. GV hướng dẫn HS viết vần **ơm, ơp**  - GV mời HS đọc vần **ơm, ơp,** nói cách viết, độ cao các con chữ.  - GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn: viết **ơ** trước, **m** sau; các chữ đều cao 2 li. / Làm tương tự với vần **ơp.**  - GV yêu cầu HS viết: **ơm, ơp.**  c. Viết: **cơm, tia chớp** (như mục b)  - GV hướng dẫn: Chú ý nét nối, khoảng cách, độ cao giữa các chữ; dấu sắc đặt trên **ơ** (chớp).  - GV yêu cầu HS viết: **cơm, tia chớp.**  - GV nhận xét  **\* Củng cố, dặn dò** (3’)  - GV nhận xét tiết học.  - Ôn, đọc lại các âm, chữ **ơm, ơp**  - Tìm xung quanh nơi em sống các sự vật, con vật có vần **ơm, ơp**  - Luyện viết bảng con thêm các vần, các tiếng vừa học. | - 1 HS đọc  - 1 HS trả lời  - HS nhận xét  - HS quan sát và lắng nghe  - HS đọc âm **ơ,** chữ **m,** vần **ơm.**  - HS phân tích: vần **ơm** gồm có âm **ơ** đứng trước, âm **m** đứng sau.  - HS (cá nhân, cả lớp) đánh vần: **ơ - mờ - ơm** */* **ơm.**  - HS trả lời: Cơm  - HS (cá nhân, tổ, cả lớp) đánh vần: cờ - ơm - cơm / cơm  - Cả lớp đánh vần, đọc tron: ơ - mờ - ơm / cờ - ơm - cơm / cơm  - HS đọc âm **ơ,** chữ **p,** vần **ơp.**  - HS phân tích: vần **ơp** gồm có âm **ơ** đứng trước, âm **p** đứng sau.  - HS (cá nhân, cả lớp) đánh vần: **ơ - pờ - ơp / ơp**  - HS trả lời: Tia chớp  - HS: Tiếng **chớp** có vần **ơp**  - HS (cá nhân, tổ, cả lớp) đánh vần: chờ - ơp - chơp - sắc - chớp.  - HS (cá nhân, tổ, cả lớp) đánh vần, đọc trơn: ơ - pờ - ơp / chờ - ơp - chơp - sắc - chớp / tia chớp.  - HS nói 2 vần mới học: **ơm, ơp,** 2 tiếng mới học: **cơm, chớp.**  - Cả lớp đánh vần, đọc trơn  - HS quan sát, nghe  - 1 HS đọc, cả lớp đọc: *bơm, lớp, bờm ngựa, đớp cá, lợp nhà, nơm*  - HS quan sát, nghe  - HS làm bài trong VBT  - 2HS báo cáo kết quả  - Cả lớp: Tiếng **bơm** có vần **ơm.** Tiếng **lớp** có vần **ơp,...**  - HS tìm và nói  - HS đọc: **ơm, ơp, cơm, tia chớp.**  - 1 HS thực hiện  - HS quan sát, lắng nghe  - HS viết bảng con  - HS quan sát, lắng nghe  - HS viết bảng con |

**Tiết 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **\* Ổn định tổ chức** (1’)  **3. Hoạt động luyện tập**  **3.3. Tập đọc (BT3)** (32’)  a. GV giới thiệu: Bài đọc là mẩu chuyện vui về tính cách của bạn Bi.  b. GV đọc mẫu  c. Luyện đọc từ ngữ  - GV yêu cầu HS gạch chân các từ sau: **chị Thơm, quả cam, ra lớp, tiếp, Bốp, nhầm** và luyện đọc.  d. Luyện đọc câu  ? Bài đọc có mấy câu?  - GV chỉ từng câu cho cả lớp đọc thầm rồi đọc thành tiếng.  - GV yêu cầu HS đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp).  e. GV tổ chức thi đọc tiếp nối 2 đoạn (4 câu/ 6 câu).  g. Tìm hiểu bài đọc  - GV nêu YC, chỉ từng cụm từ ngữ cho HS đọc.  - GV yêu cầu HS làm bài trên VBT. (GV ghép các thẻ từ trên bảng).  - GV yêu cầu cả lớp đọc.  ? Chị Thơm có nhầm không?  ? Câu chuyện có gì vui?  - GV: Ra đề toán cho Bi, chị Thơm luôn lấy ví dụ. Nhưng Bi không thích các ví dụ đó. Bi luôn đòi hỏi chị Thơm phải ra đề toán đúng thực tế.  **4. Củng cố, dặn dò** (2’)  - GV mời cảlớp đọc lại nội dung 2 trang sách vừa học, từtên bàiđến hết bài Tập đọc  - Nhận xét giờ học  - Dặn HS về đọc lại truyện *Ví dụ*  cho người thân nghe, chuẩn bi bài tiết sau. | - HS nghe và quan sát  - HS nghe  - HS quan sát, nghe và đọc  - HS trả lời: 10 câu  - Cả lớp đọc thầm rồi đọc thành tiếng (1 HS, cả lớp).  - HS đọc  - HS đọc  - 1HS đọc cả bài  - Cả lớp đọc  - HS nghe  - HS làm bài tập/1 HS đọc đáp án  - Cả lớp đọc 2 câu đã ghép hoàn chỉnh:  a - 2) Chị Thơm chỉ đưa ra ví dụ.  b - 1) Bi cho là chị Thơm nhầm.  - HS: Chị Thơm không nhầm. Chị chỉ nêu ví dụ.  - HS: Chị Thơm chỉ đưa ví dụ, nhưng Bi luôn cho là chị Thơm nhầm. |

***Điều chỉnh sau bài dạy:***

….…………………………………………………………………………………

….…………………………………………………………………………………